

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2025
V/v: “Ly hôn, con chung giữa chị T
và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quang

Bà Nguyễn Thị Anh Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1979; Nơi thường trú: Tổ dân phố số E, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định;

Hiện đang cư trú và làm việc tại: Nước cộng hòa dân chủ nhân dân L;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Tổ dân phố số E, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002; Nơi thường trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Đỗ Thị T có lý do; vắng mặt anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn H không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2025, bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống cùng nhau tại tổ dân phố số E, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình sinh sống, hai chồng vợ bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không giải quyết được dẫn đến việc không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Sau khi ly thân, chị T sinh sống và làm việc tại Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Từ thời điểm ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên hệ, hỏi han gì nhau. Hiện nay, hôn nhân của vợ chồng chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung cháu Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 04-02-2000, cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05-06-2002, cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 23-01-2010. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh H1 và cháu Nguyễn Văn H đều đã trên 18 tuổi, do đó chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Tiến M đang sinh sống cùng với anh trai tại địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Nguyễn Tiến M, chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị Đỗ Thị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Do hiện nay chị T đang làm việc tại Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nên không thể sắp xếp về Việt Nam để giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định được. Chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết, làm việc vắng mặt chị trong các buổi làm việc tại Tòa án.

* Tại biên bản làm việc ngày 09 tháng 5 năm 2025 với UBND thị trấn Q cung cấp: Chị Đỗ Thị T quê quán xã N, huyện N, tỉnh Nam định có làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn T1, quê quán xã N, huyện N vào ngày 16 tháng 12 năm 1998 tại quyển sổ đăng ký kết hôn số 17/TP/HT số 22 sổ lập năm 1998. Hiện nay chị T và anh T1 đều có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số E, thị trấn Q, huyện N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa chỉ trên và đã có ba con chung, con lớn cháu Nguyễn Thị Thanh H1 sinh ngày 4 tháng 2 năm 2000, con thứ hai Nguyễn Văn H sinh ngày 5 tháng 6 năm 2002, con nhỏ cháu Nguyễn Tiến M sinh ngày 23 tháng 01 năm 2010. Trong quá trình chung sống chị T hiện nay đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào,

còn anh T1 vẫn cư trú làm việc tại Việt Nam. Giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh chị có tài sản chung, công nợ chung hay không địa phương cũng không nắm được. Nay chị T xin ly hôn với anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn H (con đẻ anh T1) nhận thay, anh đã biết được nội dung khởi kiện của chị Đỗ Thị T, đến nay anh không có yêu cầu phản tố. Anh T1 không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, anh vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử mà không có lý do. Đến nay anh T1 không có quan điểm của mình đối với vụ án.

* Tại đơn trình bày ngày 11-6-2025 của anh Nguyễn Văn H trình bày: Bố mẹ anh có ba người con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 04-02-2000; anh là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05-06-2002 và em Nguyễn Tiến M, sinh ngày 23-01-2010. Hiện nay chị gái Nguyễn Thị Thanh H1 và anh đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe đều ổn định, đủ điều kiện tự chăm sóc bản thân. Đối với em trai là Nguyễn Tiến M đang sinh sống ở nhà riêng của anh có địa chỉ tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Hiện nay bà T đang làm việc tại Lào, ông Nguyễn Văn T1 đang làm ăn xa nên không có đủ thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng em M. Do vậy, anh H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng em Nguyễn Tiến M trong khoảng thời gian này. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Đỗ Thị T là được giao trực tiếp nuôi dưỡng em M. Vì vậy, anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết, giao em Nguyễn Tiến M cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng. Anh H cam kết sẽ hỗ trợ bà Đỗ Thị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạo điều kiện tốt nhất để em M sinh hoạt, học tập và phát triển trong thời gian bà T làm việc xa nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đỗ Thị T xin được vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ. Bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T1. Con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh

ngày 23-01-2010 cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mà được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con. Tài sản chung, công nợ của chị T, anh T1 không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Chị Đỗ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có ba con chung cháu Nguyễn Thị Thanh H1 sinh ngày 4 tháng 2 năm 2000, con thứ hai Nguyễn Văn H sinh ngày 5 tháng 6 năm 2002, con nhỏ cháu Nguyễn Tiến M sinh ngày 23 tháng 01 năm 2010. Hiện nay hai con chung cháu H1 và cháu H của chị T và anh T1 đã đến tuổi trưởng thành và tự lập được, cháu H1, cháu H làm nghề gì, ở đâu và ở với ai thì cháu H1, cháu H có quyền tự quyết định nên Hội đồng xét xử không cần đề cập giải quyết. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến M đang ở nhà riêng của cháu H có địa chỉ tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Nguyễn Tiến M, chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Anh Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì về phần con chung.

[5] Xét nguyện vọng của chị Đỗ Thị T trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Nguyễn Tiến M đang do cháu H nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu vẫn đang được ăn ở, cư trú ổn định, có môi trường sống tốt nhất để cho cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, anh T1 đang đi làm ăn xa nhà, anh Nguyễn Văn H (là con đẻ chị T) đã nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M giúp chị T, khi nào chị T về nước sẽ có trách nhiệm bàn giao cháu M lại cho chị T. Bản thân cháu M đã có đơn đề nghị gửi Tòa án trình bày nguyện vọng

muốn được ở với chị T. Xét thấy, việc chị Thu nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Nguyễn Tiến M là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận, con chung của vợ chồng anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Tiến M cho chị T tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do đó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị Đỗ Thị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, anh Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng nên về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng chị T, anh T1 Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Đỗ Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 71 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2010 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mà được quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Trong thời gian chị Đỗ Thị T đang đi xuất khẩu lao động tại Lào, anh Nguyễn Văn H sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Tiến M thay chị T. Khi nào chị T về nước, anh Nguyễn Văn H sẽ có trách nhiệm bàn giao cháu Nguyễn Tiến M lại cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002639 ngày 21-4-2025 của

Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn một tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang Nguyễn Thị Anh Q

Lại Văn T2

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND thị trấn Quỳ Nhất;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

